

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2022**

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh kéo dài hiệu lực thi hành Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2022, với những nội dung chính như sau:

#### **I. Mục đích, yêu cầu**

1. Tiếp tục hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Xác định nội dung và phân công nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; làm cơ sở đánh giá thi đua cuối năm và trách nhiệm của người đứng đầu tại các cơ quan, địa phương liên quan.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan bám sát nhiệm vụ được giao, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả, theo đúng quy định tại Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017, Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019, Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021, Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định khác có liên quan.

## II. Nội dung thực hiện

### 1. Các nội dung hỗ trợ theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UB ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Hỗ trợ nhân rộng tưới tiết kiệm nước: 244,85ha/5.125.000.000 đồng.

b) Hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng tiết kiệm nước: 99,3 ha (7ha nho; 7,2ha táo; 85,6 ha cây trồng cạn)/293.980.000 đồng.

### 2. Các nội dung hỗ trợ theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản: 885.080.000 đồng, gồm:

a) Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: 03 HTX/150.000.000 đồng.

b) Tập huấn: 740 người/97.125.000 đồng.

c) Hỗ trợ giống: 85 ha/465.670.000 đồng.

d) Hỗ trợ vật tư (thuốc BVTV): 86,65 ha/122.285.000 đồng.

đ) Hỗ trợ bao bì, nhãn mác: 01 HTX/50.000.000 đồng.

### 3. Hỗ trợ dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Hỗ trợ 05 dự án trồng trọt ứng dụng công nghệ cao/3.100.000.000 đồng.

## III. Kinh phí thực hiện: 9.404.060.000 đồng.

Cơ cấu nguồn vốn theo quy định tại Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017, Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019, Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 và Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Cụ thể như sau:

### 1. Nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh: 8.225.000.000 đồng, gồm:

a) Hỗ trợ dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 3.100.000.000 đồng.

b) Hỗ trợ đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm nước: 5.125.000.000 đồng.

### 2. Nguồn sự nghiệp nông thôn mới: 1.179.060.000 đồng, gồm:

a) Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng: 293.980.000 đồng.

b) Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản: 885.080.000 đồng.

## **IV. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Tổ chức tập huấn cho nông dân tham gia liên kết và cán bộ hợp tác xã theo đề nghị của các huyện, thành phố; lựa chọn xây dựng các mô hình khuyến nông tại các dự án liên kết.

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc các ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả; báo cáo 6 tháng (*trước ngày 30/6*), năm (*trước ngày 10/10*) tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo trong thời gian tiếp theo.

### **2. Sở Tài chính:**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí các nguồn kinh phí theo mục III Kế hoạch này cho các ngành, địa phương thực hiện; hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan về quy trình, thủ tục, hồ sơ thanh toán các hạng mục hỗ trợ theo quy định.

- Chủ trì giải quyết các vướng mắc, điều chỉnh, bổ sung các quy trình, thủ tục, hồ sơ về thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, phúc tra kết quả triển khai thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố.

**3. Sở Khoa học và Công nghệ:** Tiếp tục sử dụng kinh phí còn lại trong giai đoạn 2017-2021 để hỗ trợ các địa phương xây dựng các dự án VietGAP đã được phê duyệt danh mục tại Kế hoạch số 2527/KH-UBND ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**4. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện các chính sách về đất đai, chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang cây trồng cạn, cây ăn quả và bảo vệ môi trường; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương xây dựng bản đồ đối với diện tích chuyển đổi từ lúa nước kém hiệu quả sang cây ăn quả, trồng cạn.

### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

- Căn cứ các chỉ tiêu tại Kế hoạch này, chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả theo đúng quy định hiện hành; đồng thời, rà soát, đăng ký kế hoạch tập huấn cho cán bộ hợp tác xã, nông dân gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Báo cáo 6 tháng (*trước ngày 15/6*), năm (*trước ngày 30/9*) tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn và đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ chi (*nếu có*) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

### **6. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận:** Tổ chức tuyên

truyền sâu rộng về chính sách hỗ trợ này để các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân biết, tham gia triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả.

**7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh:** Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, nông dân về các thủ tục để được hỗ trợ theo chính sách này, các hoạt động liên kết với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2022. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

*(Đính kèm phụ lục nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2022)*

**Nơi nhận:**

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT. UBND tỉnh Lê Huyền;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, KH&CN, TN&MT;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Huyền**

**PHỤ LỤC**

**Nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và  
hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung hỗ trợ/huyện, thành phố	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (đồng)
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ hệ thống tưới tiết kiệm nước</b>	ha	<b>244,9</b>	<b>5.125.000.000,0</b>
1	Ninh Phước	ha	23,5	470.000.000,0
2	Ninh Hải	ha	48,0	960.000.000,0
3	Ninh Sơn	ha	66,95	1.339.000.000,0
4	Bác Ái	ha	64,9	1.298.000.000,0
5	Thuận Bắc	ha	4,5	90.000.000,0
6	Thuận Nam	ha	37,0	740.000.000,0
7	Phan Rang-Tháp Chàm	ha	11,4	228.000.000,0
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng</b>	ha	<b>99,3</b>	<b>293.980.000,0</b>
	Cây nho	ha	6,5	45.500.000,0
	Cây táo	ha	7,2	25.920.000,0
	Cây trồng cạn	ha	85,6	222.560.000,0
<b>1</b>	<b>Ninh Phước</b>	ha	<b>8,7</b>	<b>29.520.000,0</b>
	Nho	ha	0,5	3.500.000,0
	Táo	ha	4,7	16.920.000,0
	Cây trồng cạn	ha	3,5	9.100.000,0
<b>2</b>	<b>Ninh Hải</b>	ha	<b>29,8</b>	<b>97.080.000,0</b>
	Nho	ha	4,0	28.000.000,0
	Táo	ha	2,0	7.200.000,0
	Cây trồng cạn	ha	23,8	61.880.000,0
<b>3</b>	<b>Thuận Bắc</b>	ha	<b>17,5</b>	<b>45.500.000,0</b>
	Cây trồng cạn	ha	17,5	45.500.000,0
<b>4</b>	<b>Thuận Nam</b>	ha	<b>31,0</b>	<b>80.600.000,0</b>
	Nho	ha	-	-
	Táo	ha	-	-
	Cây trồng cạn	ha	31,0	80.600.000,0
<b>5</b>	<b>Phan Rang-Tháp Chàm</b>		<b>12,3</b>	<b>31.620.000,0</b>
	Nho	ha	2,0	7.000.000,0
	Táo	ha	0,5	7.200.000,0
	Cây trồng cạn	ha	9,8	17.420.000,0
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản</b>			<b>885.080.000,0</b>
-	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết cánh đồng lớn	HTX	3,0	150.000.000,0
-	Tập huấn	người	740,0	97.125.000,0
-	Hỗ trợ giống	ha	85,0	465.670.000,0
-	Hỗ trợ vật tư (thuốc BVTV)	ha	86,7	122.285.000,0
-	Hỗ trợ bao bì, nhãn mác	HTX	1,0	50.000.000,0

STT	Nội dung hỗ trợ/huyện, thành phố	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (đồng)
<b>1</b>	<b>Ninh Phước</b>			<b>1.975.000,0</b>
	Hỗ trợ giống	ha	-	
	Hỗ trợ vật tư (vụ 2-HTX Tuấn Tú-Măng tây)	ha	1,65	1.975.000,0
<b>2</b>	<b>Ninh Hải</b>			<b>438.480.000,0</b>
	Hỗ trợ giống hành (diện tích mở rộng ở Thanh Hải)	ha	20,0	378.000.000,0
	Hỗ trợ vật tư hành (diện tích mở rộng ở Thanh Hải)	ha	20,0	60.480.000,0
	Hỗ trợ giống lúa (diện tích mở rộng ở Tân Hải)	ha	50,0	46.470.000,0
	Hỗ trợ vật tư lúa (diện tích mở rộng ở Tân Hải)	ha	50,0	33.630.000,0
<b>3</b>	<b>Thuận Bắc</b>			<b>133.700.000,0</b>
	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết cánh đồng lớn	HTX	2,0	100.000.000,0
	Hỗ trợ giống (sản xuất bắp giống)	ha	10,0	7.500.000,0
	Hỗ trợ vật tư (sản xuất bắp giống)	ha	10,0	26.200.000,0
	Hỗ trợ giống (sản xuất nha đam)	ha	5,0	33.700.000,0
	Hỗ trợ vật tư (sản xuất nha đam)	ha	5,0	9.100.000,0
<b>4</b>	<b>Bác Ái</b>			<b>100.000.000,0</b>
	Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (HTX Phước Chính)	HTX	1,0	50.000.000,0
	Hỗ trợ bao bì, nhãn mác (HTX Phước Chính)	HTX	1,0	50.000.000,0
<b>5</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tập huấn)</b>	<b>người</b>	<b>740,0</b>	<b>97.125.000,0</b>
	Ninh Phước (Phước Hữu 60; Phước Thuận 120)		180,0	
	Ninh Hải (Thanh Hải 200; Thanh Hải 200)		400,0	
	Thuận Bắc		80,0	
	Bác Ái (kỹ thuật nuôi heo bản địa)		80,0	
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</b>	<b>dự án</b>	<b>4,0</b>	<b>3.100.000.000,0</b>
1	Dự án trồng trọt của HTX NNCNC Nam Miền Trung	dự án	1,0	700.000.000,0
2	Dự án trồng bưởi da xanh UDCNC tại xã Phước Ninh	dự án	1,0	700.000.000,0
3	Dự án trồng dưa lưới UDCNC tại xã Nhị Hà	dự án	1,0	700.000.000,0
4	Dự án trồng dưa lưới UDCNC tại xã Phước Dinh	dự án	1,0	700.000.000,0
5	Dự án cây trồng mới UDCNC tại xã An Hải	dự án	1,0	300.000.000,0
<b>Tổng cộng</b>				<b>9.404.060.000</b>